

Bản án số: 02/2025/ KDTM-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn T
2. Ông Lê Văn L

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST - KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXX ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1995

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th - sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: SN A đường 19, tổ B, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Công ty Cổ phần thời trang B .

Địa chỉ: SN 34/66 đường Tô Hiến Thành, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đức Tâm - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh T1 – Giám đốc kinh doanh.

Địa chỉ: Lô A khu 2, MBQH C phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/9/2023 anh Nguyễn Văn T và công ty Cổ phần thời trang B có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 15/HĐNT/2023 có nội dung mua bán một số sản phẩm mang thương hiệu NIKE, ADIDAS, PUMA.

Ngày 19/9/2023 anh T và công ty Cổ phần thời trang B tiếp tục ký Hợp đồng mua bán hàng hóa về việc mua bán một số sản phẩm mang thương hiệu NIKE, ADIDAS, PUMA với tổng số tiền là 773.299.670 đồng (Bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) để cụ thể hóa Hợp đồng nguyên tắc đã ký. Theo đó, ngay sau khi ký kết hợp đồng mua bán, bên mua có nghĩa vụ chuyển tiền đặt cọc với số tiền 231.989.901 đồng vào tài khoản số 868938888 mở tại Ngân hàng Quân đội cho Công ty cổ phần thời trang B. Đến ngày 13/10/2023 bên mua phải chuyển hết số tiền còn lại vào tài khoản trên cho công ty. Bên bán có nghĩa vụ giao hàng để bên mua có hàng bán vào ngày khai trương là ngày 11/11/2023 đảm bảo đúng, đủ về số lượng, mẫu mã, size, thương hiệu hai bên đã thống nhất (số liệu cụ thể bên bán gửi qua gmail: tuanthog95@gmail.com của bên mua). Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận bên bán sẽ cử người đến cửa hàng để setup hàng hóa cho cửa hàng anh T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên mua đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán.

Phía nguyên đơn thừa nhận trước ngày khai trương, bên bán có đề nghị bên mua về việc bên bán sẽ gửi thêm một số mặt hàng khuyến mại để đa dạng hàng hóa cho bên bán trong thời gian khai trương, chứ không phải thay thế các hàng hóa hai bên đã ký trong Hợp đồng mua bán.

Trước ngày khai trương bên bán có gửi hàng lên cho bên mua, nhưng đến ngày khai trương, **bên mua kiểm tra** thì hàng hóa không đúng với đơn hàng đã đặt. Vì vậy, ngày 11/11/2023 giữa bên mua là anh Nguyễn Văn T và đại diện bên bán là ông Nguyễn Thanh T1 đã lập biên bản làm việc với nội dung: “Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 19/9/2023, căn cứ vào đơn hàng đặt trên hệ thống Gmail:tuanthog95@gmail.com ngày 14/9/2023.

Đến ngày 10/11/2023 ông Nguyễn Thanh T1 chức vụ Giám đốc kinh doanh đã đến cửa hàng giao hàng, nhưng không có hàng theo yêu cầu và cũng không báo trước là không có hàng.

Vậy ông Nguyễn Thanh T1 đã vi phạm hợp đồng đã ký kết ngày 19/9/2023, bên mua và bên bán thống nhất trong vòng 10 ngày bên bán có trách nhiệm giao hàng đúng và đủ theo Hợp đồng.

Bên bán hẹn đến ngày 30/11/2023 không giao đúng và đủ mặt hàng theo đơn đặt hàng bên mua đã đặt thì coi như bên bán không có khả năng cung cấp các mặt hàng đã đặt. Như vậy bên bán đã vi phạm vào các điều khoản trong hợp đồng và có hành vi lừa đảo. Bên B có quyền đưa ra cơ quan pháp luật để giải quyết mọi chi phí bên A phải chi trả”.

Đối với số lượng hàng hóa bên bán gửi lên không đúng mẫu mã, size, số bên bán trực tiếp là ông Nguyễn Thanh T1 cùng nhân viên đã đóng gói chuyển xuống kho của cửa hàng anh T trước sự chứng kiến của bên bán. Khi đóng gói, hai bên không kiểm tra số lượng và không lập biên bản gì.

Sau khi các bên làm biên bản, nhưng đến ngày 30/11/2023 bên bán vẫn không giao được hàng đúng và đủ theo hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 04/5/2024 vẫn chưa giao được hàng cho bên mua và cũng không hoàn trả lại số tiền bên mua đã chuyển, mặc dù bên mua đã đề nghị nhiều lần yêu cầu công ty cổ phần thời trang B trả lại tiền.

Nguyên đơn xác định bên bán là Công ty cổ phần thời trang B đã vi phạm hợp đồng mua bán ngày 19/9/2023. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần thời trang B phải thực hiện giao hàng hóa đúng theo hợp đồng mua bán đã ký. Trong trường hợp không giao được hàng theo hợp đồng thì phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 773.299.670 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) Đối với số lượng hàng hóa bên bán gửi lên hiện đang lưu tại kho của cửa hàng (không kiểm tra số lượng, chủng loại) phía nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn:**

Tôi là người đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần thời trang B, đồng thời cũng là giám đốc kinh doanh của Công ty. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 anh Nguyễn Văn T là chủ một cửa hàng thời trang ở khu vực thành phố Hà Giang có liên hệ với tôi qua mạng Zalo để mong muốn nhập một số mặt hàng thể thao chính hãng như Nike, Adidas để bán và nhờ tôi tư vấn để nhập hàng về bán. Giữa tôi và anh T thường xuyên liên lạc, trao đổi qua tin nhắn zalo để trao đổi, tư vấn các nhãn hàng.

Ngày 05/9/2023 anh T có liên hệ với tôi và nói sẽ mở một cửa hàng thời trang ở thành phố Hà Giang và chốt với tôi sẽ bán sản phẩm mang thương hiệu Nike, Adidas, Puma. Nên ngày 08/9/2023 tôi có lên Hà Giang để hỗ trợ cùng anh T đi khảo sát mặt bằng. Ngày 10/9/2023 giữa anh T và công ty cổ phần thời trang B đã ký hợp đồng nguyên tắc số 15/HĐNT/2023 và hai bên có bàn bạc để chuẩn bị cho ngày khai trương vào cuối tháng 10/2023.

Ngày 14/9/2023 phía công ty có gửi mail yêu cầu anh T chuyển tiền cọc 30% giá trị đơn hàng mà anh T đã đặt nhưng đến ngày 19/9/2023 anh T mới chuyển số tiền theo bên công ty yêu cầu.

Đến ngày 10/10/2023 phía công ty yêu cầu anh T chuyển hết số tiền còn lại, nhưng anh T lấy lý do này nọ để chưa chuyển. Ngày 13/10/2023 anh T trao đổi với tôi làm thêm một Hợp đồng thương mại mua bán đơn hàng về số lượng hai bên đã thống nhất, nhưng yêu cầu ngày ghi trong hợp đồng là ngày 19/9/2023 và trong điều khoản thanh toán là ngày là đặt cọc vào ngày 19/9/2023 và ngày chuyển 70% số tiền còn lại là ngày 13/10/2023 chứ không giống như những gì hai bên đã trao đổi và thống nhất với nhau qua điện thoại và zalo. Để công việc được thuận lợi và kịp tiến độ khai trương cho đại lý nên tôi đã làm theo yêu cầu của anh T.

Do quá trình chuyển tiền bị chậm không giống như thống nhất trước đó giữa tôi và anh T, nên phía nhà cung cấp không kịp được hàng và chuyển những sản phẩm có trong đơn đặt hàng của anh T cho những đại lý khác, dẫn đến việc đơn hàng bị hao hụt và gây size các mã sản phẩm trong đơn đặt hàng. Do cận ngày khai trương nên phòng kinh doanh của công ty đã quyết định thay thế bằng các đơn hàng

mới các mã sản phẩm có đầy đủ size để gửi shop anh T kinh doanh được thuận lợi và phát triển. Trong quá trình gửi lô hàng mới, tôi có gọi điện trao đổi với anh T và anh T đồng ý. Tổng giá trị đơn hàng phòng kinh doanh gửi lên có giá trị 968.261.970 đồng, dư hơn so với số lượng đơn hàng anh T đặt là 194.962.300 đồng. Tuy nhiên giữa tôi và anh T chỉ trao đổi qua điện thoại, không lập thành văn bản về nội dung thay đổi đơn hàng trên.

Ngày 18/10/2023 phòng kinh doanh đã gửi toàn bộ hàng hóa nói trên cho anh T. Tuy nhiên anh T lại dời lịch khai trương cửa hàng vào ngày 11/11/2023.

Ngày 10/11/2023 phía công ty có hỗ trợ cửa hàng anh T trưng bày hàng hóa và tôi cùng với anh T và ông Th (là bố anh T) ngồi trao đổi và thống nhất nhận hàng khai trương để bán theo lịch bình thường.

Ngày 11/11/2023 sau khi khai trương cửa hàng xong, giữa tôi và anh T cùng ông Th ngồi lại với nhau để chốt công việc thì lại thay đổi ý kiến là hàng hóa không đúng sản phẩm của đơn hàng nên không đồng ý nhận. Sau đó ông Th có soạn thảo một biên bản làm việc ngày 11/11/2023, nội dung như ông Th trình bày và ép tôi ký. Đến ngày 12/11/2023 chúng tôi đã đóng toàn bộ hàng hóa của công ty vào thùng và đưa xuống kho của cửa hàng. Ông Th lại tiếp tục lập một biên bản nữa với nội dung “đến ngày 30/11/2023 nếu không giao đúng lượng hàng hóa theo đơn hàng đã đặt thì phía anh T có quyền rút bỏ, hủy bỏ lô hàng mà bên phòng kinh doanh đã giao lên cho anh T”. Tôi nhận thấy ý đồ của anh T và ông Th đang cài câu chữ mục đích để chiếm đoạt lô hàng của công ty, nên tôi không ký vào biên bản. Tuy nhiên, giữa công ty và phía anh T không lập biên bản về số hàng hóa chúng tôi đã gửi lên và đóng thùng lưu kho.

Sau nhiều lần trao đổi, làm việc với anh T, tôi biết được ý đồ của anh T là khai trương cửa hàng chỉ với mục đích làm hình ảnh đối với khách hàng, chứ thực sự không muốn nhận hàng của công ty, kể cả khi công ty giao đúng số lượng, mẫu mã đơn hàng đã đặt. Vì vậy, phía công ty không gửi hàng lên như đã cam kết trong biên bản làm việc ngày 11/11/2023.

Mặc dù vậy, nhưng phía công ty luôn có thiện chí giải quyết, nên ngày 01/12/2023 tôi có lên Hà Giang để đề nghị lấy hàng về bán, và sau khi bán xong sẽ trả lại tiền cho anh T, nhưng phía anh T không đồng ý và yêu cầu phía công ty phải trả lại 01 lần toàn bộ số tiền bên anh T đã thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu phía bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc phía công ty đã gửi số lượng hàng hóa thay thế cho đơn hàng đã ký kết và được phía bị đơn đồng ý và ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần thời trang B phải thực hiện giao hàng hóa đúng theo hợp đồng mua bán đã ký. Trong trường hợp không giao được hàng theo hợp đồng thì phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 773.299.670 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) cho nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn đã giao nộp cho tòa án các phiếu xuất kho các mẫu mã kèm hóa đơn giá trị gia tăng (tất cả đều là bản phô tô thường), các tờ in tin nhắn Zalo giữa anh Nguyễn Thanh T1 – là giám đốc kinh doanh của công ty, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn với anh Nguyễn Văn T, nhưng không có văn bản hay tài liệu gì thể hiện anh T đồng ý thay thế lô hàng

cho đơn hàng đã ký kết. Và phía bị đơn cũng không thể hiện quan điểm (đồng ý hay không đồng ý) về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên tại các phiên hòa giải phía bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đến nay phía bị đơn vẫn không giao được hàng cho nguyên đơn nên phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần thời trang B phải hoàn trả lại số tiền 773.299.670 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về nội dung: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần thời trang B đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng (không đúng chủng loại, mẫu mã như theo đơn hàng hai bên đã ký kết), do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thời trang B phải trả lại số tiền 773.299.670 đồng là có cơ sở. Đề nghị Tòa án HĐXX căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 8 Hợp đồng nguyên tắc số 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023; khoản 1 Điều 3 Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 19/9/2023; Điều 401 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 34 Luật thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Dành quyền khởi kiện cho bị đơn đối với số hàng hóa hiện đang lưu kho tại cửa hàng của anh Nguyễn Văn T khi có đủ căn cứ và yêu cầu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nguyên tắc số 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023 và Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 19/9/2023 giữa anh Nguyễn Văn T và Công ty cổ phần thời trang B, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp, thuộc tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do có nhu cầu mở cửa hàng thời trang để kinh doanh nên giữa anh Nguyễn Văn T và Công ty cổ phần thời trang B đã ký Hợp đồng nguyên tắc số: 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023 có nội dung mua bán một số sản phẩm mang thương hiệu NIKE, ADIDAS, PUMA. Ngày 19/9/2023 hai bên tiếp tục ký Hợp đồng mua bán hàng hóa để cụ thể hóa quyền và nghĩa vụ của hai bên đối với Hợp đồng

nguyên tắc 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023. Theo thỏa thuận cam kết tại hợp đồng: thì ngay sau khi ký kết hợp đồng mua bán, bên mua có nghĩa vụ chuyển tiền đặt cọc với số tiền 231.989.901 đồng vào tài khoản số 868938888 mở tại Ngân hàng Quân đội cho Công ty cổ phần thời trang B. Đến ngày 13/10/2023 bên mua phải chuyển hết số tiền còn lại vào tài khoản trên cho công ty. Bên bán có nghĩa vụ giao hàng vào để bên mua có hàng bán vào ngày khai trương của cửa hàng với số lượng, mẫu mã, size, thương hiệu (số liệu cụ thể bên bán gửi qua gmail của bên mua).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên mua đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán. Ngày 18/10/2023 bên bán có gửi hàng lên cho bên mua. Tuy nhiên, ngày 10/11/2023 đại diện phía công ty và nhân viên lên hỗ trợ trưng bày hàng thì phía anh T mới phát hiện hàng hóa không đúng như hợp đồng. Vì vậy, ngày 11/11/2023 giữa bên mua là anh Nguyễn Văn T và đại diện bên bán là ông Nguyễn Thanh T1 đã lập biên bản làm việc về việc bên bán không giao được hàng đúng như đơn hàng hai bên đã ký kết. Bên bán cam kết đến ngày 30/11/2023 nếu không giao được hàng thì coi như bên bán không có khả năng cung cấp các mặt hàng đã đặt và đã vi phạm vào các điều khoản trong hợp đồng. Đến ngày 30/11/2023 bên bán không giao được hàng như đã cam kết.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc thừa nhận hai bên đã ký hợp đồng nguyên tắc số 15 ngày 10/9/2023. Hợp đồng mua bán hàng hóa thực tế ký ngày 13/10/2023 nhưng hai bên thống nhất đề ngày trong Hợp đồng là ngày 19/9/2023, vì vậy việc chuyển tiền của bên mua bị chậm, gây khó khăn cho đơn hàng nên bên bán đã quyết định thay thế bằng đơn hàng khác. Sự việc này bên bán đã trao đổi bằng điện thoại cho bên mua và được bên mua đồng ý nên bên bán đã chuyển số lượng hàng hóa không đúng chủng loại, mẫu mã, số lượng cho bên mua. Mặt khác, Tòa án đã yêu cầu công ty tổng hợp, mẫu mã, sezi số, số lượng đơn hàng bằng văn bản gửi cho Tòa án để xem xét. Tuy nhiên phía công ty chỉ giao nộp cho tòa án các phiếu xuất kho các mẫu mã kèm hóa đơn giá trị gia tăng (tất cả đều là bản phô tô thường), các tờ in tin nhắn Zalo giữa anh Nguyễn Thanh T1 – là giám đốc kinh doanh của công ty, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn với anh Nguyễn Văn T. Trong tin nhắn giữa hai bên không có nội dung thể hiện anh T đồng ý cho Công ty thay thế lô hàng cho đơn hàng đã ký kết.

Tiến hành xem xét các tài liệu chứng là các phiếu xuất kho và các hóa đơn giá trị gia tăng mà bị đơn giao nộp thì tất cả các tài liệu đều là bản phô tô thường. Tại các phiếu xuất kho không đề ngày, tháng, năm xuất kho. Tại các hóa đơn giá trị gia tăng có đề ngày, tháng, năm như ngày 09/01/2024 (BL174 – 179; BL 153 - 172), ngày 13/11/2023 (BL 148 - 151), ngày 15/11/2023 (BL141- 147) 16/11/2023 (BL120 - 130), ngày 25/4/2023 (BL119 xảy ra trước ngày hai bên ký Hợp đồng nguyên tắc và Hợp đồng mua bán). Tại bản tự khai, phía bị đơn thừa nhận sau ngày lập biên bản làm việc ngày 11/11/2023 đến nay, phía bị đơn không gửi hàng hóa lên cho nguyên đơn. Vì vậy, các phiếu hóa đơn giá trị gia tăng mà bị đơn giao nộp mâu thuẫn với lời khai của bị đơn. Mặt khác, đối chiếu các phiếu xuất kho với các danh sách hàng hóa của đơn hàng hai bên đã ký kết thì số lượng, chủng loại, mẫu mã, sezi số không trùng khớp. Điều đó, cho thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng như đã ký kết trong hợp đồng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Hợp đồng

nguyên tắc số 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023; khoản 1 Điều 3 Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 19/9/2023.

Đối với số lượng hàng hóa phía bị đơn gửi cho cửa hàng anh T. Ngay sau khi giữa anh T và công ty lập biên bản về việc phía công ty không có hàng hóa để giao và hẹn sau 10 ngày nữa công ty phải giao hàng đúng theo đơn hàng đã ký kết. Phía bị đơn đã cho nhân viên đã đóng gói (thùng) tất cả các hàng hóa phía công ty gửi lên, nhưng giữa anh T và công ty cũng không kiểm kê số lượng hàng hóa, không lập biên bản về việc số lượng hàng hóa vừa đóng thùng và lưu kho tại kho nhà anh T. Mặt khác, khi phía công ty gửi hàng lên cho anh T, hai bên cũng không kiểm kê số lượng, không lập biên bản giao nhận hàng hóa. Trong khi đó, tòa án đã triệu tập nguyên đơn và bị đơn đến để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ở tất cả những lần triệu tập bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, không đủ căn cứ để xác định được số lượng hàng hóa phía bị đơn gửi đến cho nguyên đơn để giải quyết trong vụ án này. HĐXX dành quyền cho bị đơn khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ án khác khi có căn cứ và yêu cầu.

Xét tính pháp lý của hợp đồng thấy rằng, hai bên có đầy đủ năng lực chủ thể và tư cách pháp nhân, khi ký kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định như trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty cổ phần thời trang B phải có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 773.299.670 (Bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) theo quy định tại Điều 24; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 37 Luật thương mại; Điều 401; khoản 1 Điều 434; 439 - Bộ luật dân sự;

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 37 - Luật thương mại; Điều 401; khoản 1 Điều 434; Điều 439 - Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 3 Điều 27, điểm d tiểu mục 1.4, khoản 1 phần II, mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc Công ty cổ phần thời trang B phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn T số tiền 773.299.670 đồng (Bảy trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng nguyên tắc số 15/HĐNT/2023 ngày 10/9/2023 và Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 19/9/2023 giữa anh Nguyễn Văn T và công ty cổ phần thời trang B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành, nếu bị đơn không thanh toán hoặc

thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Dành quyền khởi kiện cho bị đơn đối với số lượng hàng hóa hiện đang lưu kho tại cửa hàng của anh Nguyễn Văn T khi có đủ căn cứ và yêu cầu.

Về án phí: Trả lại số tiền tạm ứng án phí 17.465.000đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001747 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Công ty cổ phần thời trang B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 34.932.000đồng (Ba mươi tư triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Q

Nguyễn Thị Thương

Phạm Văn Hào

Lê Thị Mơi